TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TINH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hnh phúc**

Bản án số: 105/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 12 - 2021
V/v tranh chấp "*Xin ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình

Các Hội Thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hường
Ông Phạm Ngọc Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2021/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06/12/2021 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2021/QĐST-HPT, ngày 17/12/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim H, sinh năm 1989 (có mặt).
Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1987 (vắng mặt).
Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trương Thị Kim H trình bày*:

Về hôn nhân: Bà với ông Phạm Ngọc S tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau vào năm 2012, có đến Ủy ban nhân dân xã P làm thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2012.

Qúa trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến giữa năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Phạm Ngọc S thường xuyên nhậu nhẹt

bên ngoài rồi về kiếm chuyện chữi mắng bà, có lần ông S đánh đập bà đuổi bà ra khỏi nhà, nhưng vì con còn nhỏ bà cố gắng chịu đựng khuyên nhủ ông S, nhưng ông S vẫn không chịu sửa đổi, từ đó giữa bà với ông Phạm Ngọc S ngày càng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngấm ngầm kéo dài cho đến nay. Hiện bà với ông Phạm Ngọc S đã sống ly thân từ tháng 1-2021 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau.

Nay bà thấy không còn tình cảm với ông Phạm Ngọc S, yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc S.

Bà buôn bán thuốc tây tại nhà, thu nhập bình quân một tháng khoảng 7.000.000đ-8.000.000đ.

Về con chung: Bà với ông Phạm Ngọc S có 02 con chung Phạm Trương Gia H, sinh ngày 17-6-2013 và Phạm Trương Minh Đ, sinh ngày 25-7-2018, hiện các con chung đang sống với bà, nếu ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* *Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Phạm Ngọc S trình bày*:

Về hôn nhân: Ông với bà Trương Thị Kim H tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau vào năm 2012, ông, bà có đến Ủy ban nhân dân xã P, huyện N làm thủ đăng ký kết hôn vào năm 2012.

Qúa trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến giữa năm 2012 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không có tiếng nói chung trong nhiều vấn đề trong cuộc sống, nên thường tranh cãi, cuộc sống hôn nhân không Hnh phúc. Nay ông thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài.

Bà Trương Thị Kim H yêu cầu ly hôn với ông, thì ông đồng ý ly hôn với bà Trương Thị Kim H.

Về con chung: Ông với bà Trương Thị Kim H sống với nhau có 02 con chung Phạm Trương Gia H, sinh ngày 17-6-2013 và Phạm Trương Minh Đ, sinh ngày 25-7-2018, hiện con chung đang sống với bà Trương Thị Kim H, ông đồng giao 02 con chung cho bà Trương Thị Kim H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu ý kiến*:

Về thủ tục tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử (Hội đồng xét xử được viết tắt là HĐXX). Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên bà Trương Thị Kim H. Cho bà Trương Thị Kim H được ly hôn với ông Phạm Ngọc S, giao 02 con tên Phạm Trương Gia Huy, sinh ngày 17-6-2013 và Phạm Trương Minh Đức, sinh ngày 25-7-2018 cho bà Trương Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Ngọc S không phải cấp dưỡng nuôi con. Buộc bà Trương Thị Kim H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này, HĐXX xác định: Quan hệ pháp luật là "Tranh chấp Ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn hiện đang cư trú tại thôn Hiếu Lễ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Ngọc S vắng mặt, nhưng không có lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông Dương Quang Nhân.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa xác định được bà Trương Thị Kim H và ông Phạm Ngọc S kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N theo giấy chứng nhận kết hôn số 155 ngày 24-9-2012. Do đó, hôn nhân giữa bà Trương Thị Kim H và ông Phạm Ngọc S là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Trương Thị Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Phạm Ngọc S, vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gay gắt, trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống từ

tháng 01-2021 đến nay, tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy, bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc S. Ông Phạm Ngọc S cũng xác định không còn tình cảm với bà Trương Thị Kim H, vì mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nên ông Phạm Ngọc S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trương Thị Kim H. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trương Thị Kim H và ông Phạm Ngọc S đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết, hiện đã sống ly thân không quan tâm đến nhau, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Kim H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. Về con chung: Bà Trương Thị Kim H và ông Phạm Ngọc S đều thừa nhận, vợ chồng sống với nhau có 02 con chung tên Phạm Trương Gia H, sinh ngày 17-6-2013 và Phạm Trương Minh Đ, sinh ngày 25-7-2018, hiện con chung đang sống với bà Trương Thị Kim H. Bà Trương Thị Kim H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, ông Phạm Ngọc S đồng ý giao 02 con chung cho bà Trương Thị Kim H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, xét đây là sự tự thỏa thuận bà Trương Thị Kim H và ông Phạm Ngọc S và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Phạm Trương Gia H, sinh ngày 17-6-2013 và Phạm Trương Minh Đ, sinh ngày 25-7-2018 cho bà Trương Thị Kim H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[3.3]. Về cấp dưỡng: Bà Trương Thị Kim H không yêu cầu ông Phạm Ngọc S cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.4]. Về tài sản, nợ chung: Vợ, chồng tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Trương Thị Kim H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[5]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82

và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, nuôi con" của nguyên đơn bà Trương Thị Kim H. Bà Trương Thị Kim H được ly hôn với ông Phạm Ngọc S.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Phạm Trương Gia H, sinh ngày 17-6-2013 và Phạm Trương Minh Đ, sinh ngày 25-7-2018 cho bà Trương Thị Kim H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. (Hiện các con chung đang ở với bà Trương Thị Kim H).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Tòa án bà Trương Thị Kim H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000356 ngày 09-11-2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Trương Thị Kim H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong Hn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã P, N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Bình